

## BÁO CÁO

### Dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Thực hiện Thông báo số 20/TB-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kết luận phiên họp Thường trực HĐND tỉnh tháng 10 (mở rộng); Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 với những nội dung sau:

#### I. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được giao là 5.549.930 triệu đồng (không bao gồm vốn chương trình mục tiêu quốc gia 1.545.154 triệu đồng). Trong đó:

##### 1. Vốn cân đối ngân sách địa phương (NSDP)

Tổng kế hoạch vốn cân đối NSDP giai đoạn 2016-2020 là 2.262.789 triệu đồng (không bao gồm bội chi ngân sách địa phương), gồm:

- Vốn cân đối NSDP theo tiêu chí tại Quyết định 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ là: 1.851.789 triệu đồng;
- Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất là: 353.000 triệu đồng;
- Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết là: 58.000 triệu đồng.

##### 2. Vốn ngân sách trung ương (NSTW)

Tổng kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 được trung ương giao là 3.287.141 đồng, gồm:

- Vốn NSTW trong nước hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu: 1.179.103 triệu đồng;
- Vốn trái phiếu Chính phủ: 842.400 triệu đồng;
- Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg được trung ương giao thực hiện: 32.200 triệu đồng;
- Hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi theo Quyết định 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020: 44.905 triệu đồng;
- Vốn dự phòng NSTW và vốn bổ sung từ nguồn điều chỉnh giảm vốn cho các dự án quan trọng quốc gia: 54.000 triệu đồng;
- Vốn nước ngoài (ODA): 1.134.533 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo)

### **3. Nợ đọng xây dựng cơ bản của các dự án đã bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020**

Số nợ đọng xây dựng cơ bản của các dự án được chốt tại thời điểm hết ngày 31/12/2014 theo quy định của Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 là 396.709 triệu đồng (bao gồm: Nguồn vốn Cân đối ngân sách 239.579 triệu đồng; nguồn vốn NSTW thực hiện các chương trình mục tiêu 143.177 triệu đồng; nguồn vốn Chương trình MTQG 13.953 triệu đồng).

Trong giai đoạn 2016-2019, tỉnh đã bố trí vốn để thanh toán hết số nợ đọng xây dựng cơ bản nêu trên.

Đến năm 2020, không còn nợ đọng xây dựng cơ bản chưa được bố trí vốn để thanh toán. Đối với các công trình được phê duyệt quyết toán từ năm 2015 đến hết ngày 18/10/2020: Đã được bố trí đủ 100% vốn để trả nợ quyết toán.

Còn một số công trình đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, hiện đang chờ quyết toán, nhưng nhu cầu bổ sung vốn không lớn do đã được bố trí đủ kế hoạch vốn theo khối lượng hoàn thành hoặc được bố trí kế hoạch vốn đạt trên 90% tổng mức đầu tư dự án.

### **4. Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025**

#### **4.1. Nguồn ngân sách địa phương**

Có 43 công trình, dự án, nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2016-2020, chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025. Tổng kế hoạch vốn chưa bố trí so với tổng mức đầu tư được duyệt là 72.273 triệu đồng, thực hiện tiết kiệm 5% tổng mức đầu tư theo Nghị quyết của HĐND tỉnh là 9.233 triệu đồng, số kế hoạch vốn cần bố trí trong giai đoạn 2021-2025 là: 64.039 triệu đồng.

*(Chi tiết tại biểu số 03 kèm theo)*

#### **4.2. Nguồn ngân sách trung ương**

Có 01 dự án thực hiện giai đoạn 2016-2020, chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025. Tổng kế hoạch vốn chưa bố trí so với tổng mức đầu tư được duyệt là 25.739 triệu đồng, thực hiện tiết kiệm 10% tổng mức đầu tư theo Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 01/10/2016 của Chính phủ là 8.593 triệu đồng, số kế hoạch vốn cần bố trí trong giai đoạn 2021-2025 là: 17.146 triệu đồng.

*(Chi tiết tại biểu số 04 kèm theo)*

### **5. Số vốn ứng trước NSTW đã bố trí thu hồi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020**

Tổng số kế hoạch vốn NSTW đến hết kế hoạch năm 2015 chưa bố trí để thu hồi các khoản vốn ứng trước theo thực tế giải ngân của tỉnh là 429,581 tỷ đồng. Theo Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, tổng số vốn ứng trước từ ngân sách trung ương được giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 để hoàn ứng là 259,843 tỷ đồng (trong đó: Nguồn vốn Chương trình MTQG 36,138 tỷ đồng; nguồn vốn NSTW thực hiện các Chương

trình mục tiêu 223,705 tỷ đồng). Tuy nhiên, do số kế hoạch vốn NSTW của tỉnh được giao qua các năm bị cắt giảm so với số kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020 được thông báo nên tỉnh mới hoàn trả được 194,877 tỷ đồng.

Số vốn NSTW cần bố trí kế hoạch trong giai đoạn 2021-2025 để thu hồi các khoản vốn ứng trước trước năm 2015 chưa hoàn trả là 234,704 tỷ đồng.

*(chi tiết tại Biểu số 06 theo)*

## **6. Công tác quản lý, điều hành, chấp hành các quy định pháp luật về đầu tư công giai đoạn 2016-2020**

Công tác quản lý, điều hành các nguồn vốn đầu tư công của tỉnh cơ bản đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về đầu tư công và các văn bản hướng dẫn của trung ương về lập, thẩm định, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020, kế hoạch đầu tư công hằng năm; huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn; tổ chức, điều phối; theo dõi, kiểm tra, đánh giá. Tuy nhiên, do năng lực của cán bộ, công chức ở một số đơn vị chủ đầu tư còn hạn chế nên trong quá trình quản lý, điều hành chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra. Qua các đợt thanh tra, kiểm toán, giám sát về đầu tư xây dựng giai đoạn 2016 - 2020, đã chỉ ra những tồn tại, hạn chế về công tác quản lý, điều hành của một số sở, ngành, đơn vị chủ đầu tư. Căn cứ kiến nghị của HĐND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Thanh tra chuyên ngành, Kiểm toán Nhà nước Khu vực X, UBND tỉnh đã yêu cầu các sở, ngành, đơn vị chủ đầu tư này nghiêm túc chấn chỉnh, khắc phục các nội dung tồn tại, hạn chế đồng thời có báo cáo giải trình về kết quả xử lý gửi HĐND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Thanh tra chuyên ngành, Kiểm toán Nhà nước Khu vực X theo quy định.

## **7. Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020**

Giai đoạn 2016-2020 là giai đoạn đầu tiên thực hiện xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm theo quy định của Luật đầu tư công. Do đó, trong quá trình thực hiện còn nhiều khó khăn, vướng mắc, tồn tại hạn chế cần khắc phục trong giai đoạn tới. Cụ thể:

7.1. Do khó khăn về nguồn vốn đầu tư nên một số dự án trọng điểm của tỉnh đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trong giai đoạn 2016 - 2020 nhưng chưa được triển khai như: Cải tạo nâng cấp hạ tầng giao thông khu du lịch Hồ Ba Bể; Dự án Bệnh viện Y học cổ truyền; Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật KCN Thanh Bình giai đoạn II; Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2015-2020... làm ảnh hưởng tới kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh giai đoạn 2016-2020.

7.2. Theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020: Đối với các dự án khởi công mới sử dụng nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu được ngân sách Trung ương hỗ trợ 100% tổng mức đầu tư được duyệt. Tuy nhiên, một số dự án đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định nguồn vốn nhưng không được Trung ương bố trí đủ 100% tổng mức đầu tư, phần còn lại tỉnh phải bố trí nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương hoặc giãn,

hoãn một số hạng mục để phù hợp với nguồn vốn được giao. Là một tình khó khăn, nguồn ngân sách hạn hẹp chủ yếu do Trung ương cấp, nên việc bố trí vốn như trên ảnh hưởng đến việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng tạo đột phá cho tỉnh.

7.3. Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao tại các Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017, Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020. Tuy nhiên, số kế hoạch vốn NSTW giao hàng năm chưa hợp lý, đặc biệt là nguồn vốn ODA (kế hoạch vốn ODA được giao năm 2020 bằng gần 50% số kế hoạch vốn được thông báo cả giai đoạn), gây chậm tiến độ thực hiện dự án các năm 2017-2019 và áp lực giải ngân lớn năm 2020.

## **II. DỰ KIẾN TỔNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025**

### **1. Dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025**

Thực hiện Luật Đầu tư công và các Văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Báo cáo số 380/BC-UBND ngày 04/7/2020 về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2021, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thứ 16 của HĐND tỉnh (tháng 7/2020). Trên cơ sở ý kiến của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã hoàn thiện và có Báo cáo số 451/BC-UBND ngày 31/7/2020 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Theo đó, tổng nhu cầu vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh là 10.122.000 triệu đồng, trong đó: Ngân sách địa phương là 2.968.000 triệu đồng, ngân sách trung ương là 7.154.000 triệu đồng.

Đến nay, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa thông báo chính thức số dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh theo 02 nguồn số liệu, phương pháp sau:

1.1. Theo Văn bản số 869/BKHĐT-TH ngày 07/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Văn bản phối hợp rà soát, báo cáo của các Vụ, Cục thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư):

a) Dự kiến kế hoạch vốn NSĐP: 2.844.000 triệu đồng. Trong đó:

+ Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 2.256.000 triệu đồng;

+ Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 505.000 triệu đồng;

+ Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 83.000 triệu đồng.

b) Dự kiến kế hoạch vốn NSTW trong nước: 3.649.667 triệu đồng<sup>1</sup>;

c) Dự kiến kế hoạch vốn NSTW hỗ trợ đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững (Dự án xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn – Hồ Ba Bể): 1.000 tỷ đồng<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Vốn nước ngoài: Chưa có số dự kiến;

<sup>2</sup> Năm 2021, dự án đã được thông báo 300.000 triệu đồng từ nguồn vốn này.

Như vậy, **tổng nguồn vốn đầu tư công dự kiến tại thời điểm hiện tại là 7.493.667 triệu đồng** (chưa bao gồm vốn nước ngoài và vốn Chương trình MTQG).

1.2. Dự kiến theo quy định của Luật Đầu tư công, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025

Khoản 2, Điều 55, Luật Đầu tư công quy định: “*Trước ngày 31 tháng 7 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Thủ tướng Chính phủ ban hành chỉ thị về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau với tổng mức vốn đầu tư công dự kiến bằng tổng mức vốn đầu tư công của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, thông báo tổng mức vốn đầu tư công dự kiến của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương để làm căn cứ quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án giai đoạn sau*”.

Tại khoản 2, Điều 8, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “*2. Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương (không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết, bội chi ngân sách địa phương) giai đoạn 2021-2025 được định hướng tính trên tốc độ tăng bình quân chung từ 5% - 6%, riêng năm 2021 thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14. Định hướng này được áp dụng để xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; Số vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương thực tế các năm giai đoạn 2021-2025 do Quốc hội quyết định và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước*”.

Theo các quy định nêu trên, tổng mức vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 dự kiến bằng tổng mức vốn đầu tư công của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020. Đối với nguồn ngân sách địa phương, tăng bình quân chung từ 5% - 6%. Như vậy, tổng mức đầu tư công giai đoạn 2021-2025 theo phương án thấp nhất là: 4.415.497 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách địa phương: 2.262.789 triệu đồng, trong đó:
  - + Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 1.581.789 triệu đồng;
  - + Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 353.000 triệu đồng;
  - + Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 58.000 triệu đồng.
- Vốn ngân sách trung ương trong nước: 2.152.708 triệu đồng.

(Chưa bao gồm: vốn nước ngoài, vốn đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững).

## **2. Dự kiến phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025**

Tổng dự kiến nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 để xây dựng phương án phân bổ là 7.493.667 triệu đồng theo điểm 1.1 mục 1 phần II nêu

trên. Gồm:

- Vốn NSDP: 2.844.000 triệu đồng;
- Vốn NSTW trong nước: 3.649.667 triệu đồng;
- Vốn NSTW trong nước hỗ trợ đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững: 1.000.000 triệu đồng.

### **2.1. Dự kiến phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách địa phương**

- Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 505.000 triệu đồng, dự kiến phân bổ cho các huyện, thành phố điều hành như giai đoạn 2016-2020.

- Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 83.000 triệu đồng. Dự kiến bố trí cho các dự án khởi công mới. Đến nay chưa lập chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn này.

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 2.256.000 triệu đồng. Phân bổ theo thứ tự như sau:

- + Phân bổ cho các huyện, thành phố điều hành (dự kiến 30%): 676.800 triệu đồng;
- + Phần vốn tỉnh điều hành (dự kiến 70%): 1.579.200 triệu đồng, dự kiến phân bổ theo thứ tự ưu tiên:

(1) Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020: 64.039 triệu đồng (*chi tiết tại Biểu số 03 đính kèm*);

(2) Dự kiến trả nợ gốc trước hạn khoản vay lại vốn vay ODA: 90.000 triệu đồng;

(3) Đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA: 296.676 triệu đồng (*chi tiết tại Biểu số 05 kèm theo*). Trong đó:

+ Các dự án ODA đang triển khai: 137.310 triệu đồng;

+ Các dự án ODA đề xuất mới: 155.366 triệu đồng.

(4) Bố trí cho Dự án xây dựng đường thành phố Bắc Kạn – Hồ Ba Bể (đã được phê duyệt chủ trương đầu tư): 232.935 triệu đồng.

(5) Số kế hoạch vốn còn lại dự kiến bố trí cho các dự án khởi công mới: 899.550 triệu đồng. Trong đó:

+ Các dự án đã lập chủ trương đầu tư, dự kiến trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại kỳ họp thứ 17: 186.827 triệu đồng (*chi tiết tại mục A.II Biểu số 07 kèm theo*).

+ Dự án đang lập chủ trương đầu tư (*Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Thư viện tỉnh thành Bảo tàng tỉnh*), UBND tỉnh sẽ phê duyệt theo phân cấp: 9.000 triệu đồng.

+ Số kế hoạch vốn còn lại chưa lập đề xuất chủ trương đầu tư: 712.723 triệu đồng.

### **2.2. Phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương**

- Bố trí vốn để thu hồi các khoản vốn ứng trước trước năm 2015 chưa hoàn trả: 234.704 triệu đồng (*chi tiết tại biểu số 06 kèm theo*);

- Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020: 17.146 triệu đồng (*Chi tiết tại biểu 04 kèm theo*);

- Đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA: 394.000 triệu đồng (*chi tiết tại biểu số 05 kèm theo*). Trong đó:

+ Các dự án ODA đang triển khai: 230.000 triệu đồng;

+ Các dự án ODA đề xuất mới: 164.000 triệu đồng.

- Bố trí cho dự án Đường thành phố Bắc Kạn – Hồ Ba Bể (đã được phê duyệt chủ trương đầu tư và phê duyệt dự án đầu tư): 2.051.000 triệu đồng (*trong đó đã bao gồm 1.000.000 triệu đồng vốn đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng*).

- Số kế hoạch vốn còn lại dự kiến cho các dự án khởi công mới: 1.952.817 triệu đồng. Trong đó:

+ Các dự án đã lập chủ trương đầu tư, dự kiến trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại kỳ họp thứ 17: 845.100 triệu đồng (*chi tiết tại mục A.II Biểu số 07 kèm theo*);

+ Số kế hoạch vốn còn lại chưa lập đề xuất chủ trương đầu tư: 1.107.717 triệu đồng.

### **3. Phương án sử dụng số kế hoạch vốn dành cho các án khởi công mới**

Như vậy, tổng kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 dự kiến bố trí cho các dự án khởi công mới là 5.219.301 triệu đồng. Trong đó:

#### **3.1. Các dự án đã có danh mục chi tiết (09 dự án)**

- Kế hoạch vốn dự kiến bố trí cho các dự án: 3.315.862 triệu đồng, gồm:

+ Dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư (đường thành phố Bắc Kạn – Hồ Ba Bể): 2.283.935 triệu đồng.

+ Các dự án đã lập chủ trương đầu tư, dự kiến trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại kỳ họp thứ 17 (07 dự án): 1.022.927 triệu đồng;

+ Các dự án đã lập chủ trương đầu tư, thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh (01 dự án): 9.000 triệu đồng;

- Cơ cấu bố trí vốn cho các dự án theo các ngành/lĩnh vực như sau:

+ Giao thông (01 dự án): 2.283.935 triệu đồng;

+ Nông, lâm nghiệp (02 dự án): 249.500 triệu đồng;

+ Quốc phòng (02 dự án): 153.427 triệu đồng;

+ Hạ tầng du lịch (02 dự án): 584.000 triệu đồng;

+ Y tế (01 dự án): 36.000 triệu đồng;

+ Văn hóa (01 dự án): 9.000 triệu đồng.

**3.2. Số kế hoạch vốn còn lại chưa có danh mục chi tiết:** 1.903.439 triệu đồng, gồm:

- Vốn cân đối ngân sách địa phương: 712.723 triệu đồng;
- Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 83.000 triệu đồng;
- Vốn NSTW trong nước: 1.107.717 triệu đồng.

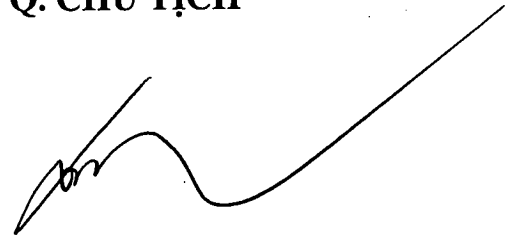
Dự kiến sẽ phân bổ cho các ngành/lĩnh vực theo mục tiêu Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh, như: Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, an ninh và trật tự xã hội, văn hóa, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình, công nghệ thông tin, quy hoạch, hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thành phố, tạo mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật thu hút đầu tư... Sau khi trung ương thông báo chính thức số kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan, địa phương tiếp tục thực hiện thủ tục đầu tư các dự án khởi công mới đảm bảo phù hợp với mức vốn được trung ương giao.

Trên đây là báo cáo dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (thay b/c);
- Q. Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC;
- LĐVP;
- TP: TH, GTXDCN, NNTN&MT, VXVN, CTHĐ;
- Lưu: VT, Khởi, Hồng, Hà (TH)/.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
Q. CHỦ TỊCH**



**Đỗ Thị Minh Hoa**



## Biểu số 01

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Kèm theo Báo cáo số 616/BC-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch vốn hằng năm				
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>5.549.930</b>	<b>865.964</b>	<b>879.776</b>	<b>1.289.990</b>	<b>998.777</b>	<b>1.515.422</b>
<b>I</b>	<b>Vốn cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm bội chi NSDP)</b>	<b>2.262.789</b>	<b>418.900</b>	<b>310.590</b>	<b>433.590</b>	<b>543.048</b>	<b>556.660</b>
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.851.789	363.900	242.590	363.590	450.048	431.660
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	353.000	55.000	55.000	55.000	78.000	110.000
3	Xổ số kiến thiết	58.000		13.000	15.000	15.000	15.000
<b>II</b>	<b>Vốn ngân sách trung ương</b>	<b>3.287.141</b>	<b>447.064</b>	<b>569.186</b>	<b>856.400</b>	<b>455.729</b>	<b>958.762</b>
<b>a</b>	<b>Vốn trong nước</b>	<b>2.152.608</b>	<b>273.470</b>	<b>426.863</b>	<b>692.200</b>	<b>375.070</b>	<b>385.005</b>
1	Các chương trình mục tiêu	1.179.103	273.470	176.863	172.000	270.670	286.100
2	Vốn trái phiếu chính phủ	842.400		250.000	488.000	104.400	
3	Hỗ trợ người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	32.200			32.200		
4	Vốn NSTW hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi theo QĐ số 2085/QĐ-TTg	44.905					44.905
5	Vốn ngân sách trung ương bổ sung năm 2020	54.000					54.000
<b>b</b>	<b>Vốn nước ngoài</b>	<b>1.134.533</b>	<b>173.594</b>	<b>142.323</b>	<b>164.200</b>	<b>80.659</b>	<b>573.757</b>



Biểu số 03  
**DANH MỤC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP SỬ DỤNG VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**  
 (Kèm theo Báo cáo số 646/BC-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao						Số vốn chưa bố trí so với TMĐT	Tiết kiệm 5% tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng KH vốn đã giao					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS											
1	2	3	4	5	10	14	18	22	26	8	11			12	13
	<b>TỔNG SỐ</b>		17.506	21.224	0	0	0	9.750	8.203	157.253	14.273	2.233	64.039		
1	Bố trí vốn Lập quy hoạch tỉnh		43.056	43.056					10.000	10.000	33.056		33.056	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
2	Trụ sở UBND xã Đồng Phúc, huyện Ba Bể	QĐ số 1191/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	8.268	5.000				3.350	1.400	4.750	250	250	-	UBND huyện Ba Bể	
3	Trụ sở UBND xã Chu Hương, huyện Ba Bể	1852/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Ba Bể	7.097	5.000				3.350	1.400	4.750	250	250	-	UBND huyện Ba Bể	
4	Trụ sở UBND xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể	4150a/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND huyện Ba Bể	7.050	5.000				3.350	1.400	4.750	250	250	-	UBND huyện Ba Bể	
5	Cải tạo, nâng cấp Trường THCS Địa Linh đạt chuẩn, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	1851/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Ba Bể	7.000	5.000				3.350	1.400	4.750	250	250	-	UBND huyện Ba Bể	
6	Trụ sở UBND xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn	2195/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Chợ Đồn	5.566	5.000				3.350	1.400	4.750	250	250	-	UBND huyện Chợ Đồn	
7	Trụ sở UBND xã Dương Sơn, huyện Na Rì	2106/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Na Rì	6.850	5.000				3.350	1.400	4.750	250	250	-	UBND huyện Na Rì	
8	Trụ sở UBND xã Lạng Sơn, huyện Na Rì	2106/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Na Rì	6.850	5.000				3.350	1.400	4.750	250	250	-	UBND huyện Na Rì	
9	Trụ sở UBND xã Đức Vân, huyện Ngân Sơn	1662/QĐ-UBND ngày 9/8/2019 của UBND huyện Ngân Sơn	7.188	5.000				3.350	1.400	4.750	250	250	-	UBND huyện Ngân Sơn	
10	Trụ sở UBND xã Trung Hòa, huyện Ngân Sơn	1663/QĐ-UBND ngày 9/8/2019 của UBND huyện Ngân Sơn	6.667	5.000				3.350	1.400	4.750	250	250	-	UBND huyện Ngân Sơn	
11	Trụ sở UBND xã Bình Văn, huyện Chợ Mới	1649/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Chợ Mới	7.150	5.000				3.350	1.400	4.750	250	250	-	UBND huyện Chợ Mới	
12	Trụ sở UBND xã Nông Hạ, huyện Chợ Mới	1650/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Chợ Mới	6.988	5.000				3.350	1.400	4.750	250	250	-	UBND huyện Chợ Mới	
13	Trụ sở UBND xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới	1651/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Chợ Mới	8.000	5.000				3.350	1.400	4.750	250	250	-	UBND huyện Chợ Mới	
14	Trụ sở UBND xã Dương Phong, huyện Bạch Thông	1479/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện Bạch Thông	6.200	5.000				3.350	1.400	4.750	250	250	-	UBND huyện Bạch Thông	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao						Số vốn chưa bố trí so với TMDT	Tiết kiệm 5% tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng KH vốn đã giao					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS											
1	2	3	4	5	10	14	18	22	26	8	11			12	13
15	Trụ sở UBND xã Vi Hương, huyện Bạch Thông	1478/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện Bạch Thông	6.500	5.000				3.350	1.400	4.750	250	250	-	UBND huyện Bạch Thông	
16	Trụ sở UBND xã Mỹ Thanh, huyện Bạch Thông	1477/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện Bạch Thông	6.500	5.000				3.350	1.400	4.750	250	250	-	UBND huyện Bạch Thông	
17	Trụ sở UBND xã Mai Lạp, huyện Chợ Mới	1652/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Chợ Mới	2.566	2.095				1.400	590	1.990	105	105	-	UBND huyện Chợ Mới	
18	Trụ sở UBND xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới	1653/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Chợ Mới	2.400	2.000				1.350	550	1.900	100	100	-	UBND huyện Chợ Mới	
19	Nâng cao hiệu quả hoạt động của Đài truyền thanh cơ sở để hoàn thành mục tiêu Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ XI về chỉ tiêu: "đến năm 2020, 100% các xã, phường có trạm truyền thanh hoạt động tốt".	1394/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND tỉnh	4.998	4.998				3.350	1.400	4.750	248	250	(2)	Sở Thông tin và Truyền thông	
20	Kho vật chứng bảo quản vũ khí quân dụng, vật liệu nổ, chất cháy tỉnh Bắc Kạn	1448/QĐ-UBND ngày 22/8/2019 của UBND tỉnh	850	850				550	258	808	43	43	-	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
21	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ tiếp nhận, xử lý, lưu trữ số liệu quan trắc tự động, liên tục nước thải, khí thải trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	1457/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 của UBND tỉnh	2.500	2.500				1.650	725	2.375	125	125	-	Sở Tài nguyên và Môi trường	
22	Nâng cấp hệ thống Công thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn	1401/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND tỉnh	2.000	2.000				1.350	550	1.900	100	100	-	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Kạn	
23	Số hóa kênh Truyền hình Bắc Kạn	1400/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND tỉnh	9.201	5.100				3.400	1.445	4.845	255	255	-	Đài phát thanh và Truyền hình	
24	Khu sơ tán của huyện Ngân Sơn, hạng mục Hầm họp Ban Chấp hành và Nhà Sa bán	63/QĐ-UBND ngày 9/8/2019 của UBND huyện Ngân Sơn	5.034	3.500				2.350	975	3.325	175	175	-	UBND huyện Ngân Sơn	
25	Xử lý kỹ thuật mái taluy dương và hệ thống thoát nước phía Đông Khu công nghiệp Thanh Bình	1385/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn	3.706	3.706				1.600	661	2.261	1.445	185	1.260	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Điều chỉnh TMDT
26	Trụ sở Tỉnh ủy và trụ sở các Ban xây dựng đảng Tỉnh ủy	2046/QĐ-UBND ngày 25/10/2019; 1450/QĐ-UBND ngày 12/8/2020	18.245	18.245					11.894	11.894	6.351	912	5.439	VP Tỉnh ủy	Điều chỉnh TMDT
27	Nhà khách tỉnh Bắc Kạn (khu B)	2032/QĐ-UBND ngày 25/10/2019; 1162/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	2.738	2.738					2.464	2.464	274	137	137	VP UBND-HĐND-ĐBBQH tỉnh	Điều chỉnh TMDT
28	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Y tế huyện Pác Nặm	2043/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	3.557	3.557					2.846	2.846	711	178	534	Sở Y tế	
29	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn	2041/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	3.301	3.301					2.641	2.641	660	165	495	Sở Y tế	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao						Số vốn chưa bổ trí so với TMĐT	Tiết kiệm 5% tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021- 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng KH vốn đã giao						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS												
1	2	3	4	5	10	14	18	22	26	8	11			12	13	
30	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Y tế huyện Ba Bể	2039/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	1.989	1.989					1.591	1.591	398	99	298	Sở Y tế		
31	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới	2042/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	2.000	2.000					1.600	1.600	400	100	300	Sở Y tế		
32	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh	2040/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	1.880	1.880					1.504	1.504	376	94	282	Sở Y tế		
33	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc liên cơ quan Chi cục Thú y - Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật - Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản - Trung tâm khuyến nông	2014/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	3.163	3.163					2.530	2.530	633	158	474	Sở NN&PTNT		
34	Trụ sở làm việc Sở Lao động, Thương binh & Xã hội	2031/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	1.710	1.710					1.368	1.368	342	86	257	Sở LĐ TB &XH		
35	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Kế hoạch & Đầu tư	2045/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	1.530	1.530					1.224	1.224	306	77	230	Sở Kế hoạch và Đầu tư		
36	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Thông tin & Truyền thông	2044/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	2.676	2.676					2.141	2.141	535	134	401	Sở TT và TT		
37	Sửa chữa nhà văn hóa tỉnh Bắc Kạn	2048/QĐ-UBND ngày 25/10/2019; 1416/QĐ-UBND ngày 06/8/2020	2.074	2.074					1.040	1.040	1.034	104	930	Sở VH TT&DL	Điều chỉnh TMĐT	
38	Đường vào trung tâm chữa bệnh - giáo dục lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn	2036/QĐ-UBND ngày 25/10/2019; 1184/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	6.058	6.058					2.807	2.807	3.251	303	2.948	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Điều chỉnh TMĐT	
39	Sửa chữa, nâng cấp mặt đường từ ĐT 254 đến thôn Vằng Đoọc, xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn	2051/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	3.000	3.000					2.400	2.400	600	150	450	UBND huyện Chợ Đồn		
40	Đường Vũ Loan - Văn Học, huyện Na Rì	2104/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	12.000	12.000				2.500	6.000	8.500	3.500	600	2.900	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh		
41	Kè chống xói lở bờ hữu Sông Cầu đoạn qua tổ Bàn Vèn, phường Huyền Tung, thành phố Bắc Kạn	2109/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	25.700	12.000					6.000	6.000	6.000	600	5.400	UBND thành phố Bắc Kạn		
42	Kè bờ sông cầu bảo vệ khu dân cư, công trình quốc phòng và hạ tầng, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	1215/QĐ-UBND ngày 02/7/2020	38.500	3.500							3.500		3.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh		
43	Hỗ trợ UBND huyện Ngân Sơn để xây dựng Trụ sở UBND xã Lăng Ngâm	2256/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	7.200	5.000							0	5.000	250	4.750	UBND huyện Ngân Sơn	Tỉnh chưa thẩm định nguồn, huyện phê duyệt chủ trương đầu tư

Biểu số 04

**DANH MỤC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC**

(Kèm theo Báo cáo số 646 /BC-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư được TTg giao kế hoạch			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020				Số vốn NSTW thiếu so với TMDT	Tiết kiệm 10% theo NQ 89 của Chính phủ	Số vốn NSTW cần bố trí trong giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: vốn NSTW							
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW					Tổng số	Trong đó:						
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW						Thanh toán nợ XDCB <sup>(1)</sup>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11			12	13	14	
I	<b>CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>		272.218	272.218	0	0	227.850	227.850	0	0	44.368	27.222	17.146			
I	Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội các vùng:		85.930	85.930	0	0	60.191	60.191	0	0	25.739	8.593	17.146			
1	Đầu tư hạ tầng khu dân cư các thôn đồng bào Mông trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (4 xã)	413/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	85.930	85.930		0	60.191	60.191			25.739	8.593	17.146	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	Thực hiện giai đoạn II	
II	Chương trình mục tiêu quốc phòng, an ninh trên địa bàn trọng điểm		186.288	186.288	0	0	167.659	167.659	0	0	18.629	18.629	0			
1	Xây dựng đường giao thông đến các xã CT229 huyện Na Rì, Bạch Thông	418/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	106.288	106.288	0	0	95.659	95.659			10.629	10.629	0	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh		
2	Hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi các xã CT229 huyện Chợ Đồn (trong đó, hệ thống giao thông kết nối với các xã CT229 tỉnh Tuyên Quang)	416/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	80.000	80.000	0	0	72.000	72.000			8.000	8.000	0	UBND huyện Chợ Đồn		

**DỰ KIẾN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI**

(Kèm theo Báo cáo số 646/BC-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	QB đầu tư ban đầu hoặc QB đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm								Dự kiến kế hoạch 2021-2025		
						Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMBT			Vốn nước ngoài					
								Trong đó:			Quy đổi ra tiền Việt					
								Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng ngoại tệ	Tổng số	Trong đó: Cấp phát từ NSTW	Vay lại			
1	<b>TỔNG</b>						5.596.238	1.167.962	539.436		4.428.277	3.652.368	775.909	393.603	3.031.246	705.186
<b>A</b>	<b>DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ</b>						3.086.915	848.761	375.601		2.238.154	1.982.060	256.094	229.768	1.360.938	185.371
<b>I</b>	<b>Ngành/linh vực cấp nước, thoát nước</b>						213.630	16.946	0		196.684	181.719	14.965	0	78.581	4.514
1	Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	Toàn tỉnh	WB	29/04/2016	31/7/2021	3102/QĐ-BNN-HTQT, 21/7/2016	213.630	16.946		8.761.701 USD	196.684	181.719	14.965		78.581	4.514
<b>II</b>	<b>Ngành/linh vực giao thông</b>						1.788.127	430.361	335.601		1.357.766	1.234.128	123.638	194.574	828.875	86.454
1	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh vùng Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn- Tiểu dự án tỉnh Bắc Kạn	Huyện Pác Nặm, Ngân Sơn, Na Rì, Bạch Thông, Chợ Mới	ADB	12/04/2018	30/9/2023	1205/QĐ-TTg 17/8/2017; Bắc Kạn: 1249/QĐ-UBND 25/8/2017; 1767/QĐ-UBND 23/10/2018	951.582	194.232	139.852	33.750.000 USD	757.350	681.615	75.735	109.852	613.453	68.439
2	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương vốn vay WB (LRAMP)-Hợp phần đường	Toàn tỉnh	WB	04/07/2016	30/6/2023	2529/QĐ-TTg, 21/12/2015; 622/QĐ-BGTVT, 02/3/2016	214.432	18.630		8.700.000 USD	195.802	176.222	19.580		50.222	5.581
3	Dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc-thị xã Bắc Kạn (giai đoạn II)	TP Bắc Kạn	WB	17/07/2014	30/6/2021	1721, 30/10/2015	622.113	217.499	195.749	19.267.000 USD	404.614	376.291	28.323	84.722	165.200	12.434
<b>III</b>	<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>						930.009	368.634	40.000		561.375	480.583	80.792	35.194	367.852	60.325
1	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập	Toàn tỉnh		08/04/2016	2022	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 9/11/2015; Bắc Kạn số 451/QĐ-UBND ngày 19/3/2020	89.880	4.505		8.761.701 USD	85.375	79.399	5.976		66.598	5.012

STT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm							Dự kiến kế hoạch 2021-2025			
						Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMBT		Trong đó:						Vốn đối ứng nguồn NSTW
								Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài						
								Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt					
Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Cấp phát từ NSTW	Vay lại												
2	Dự án hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ tỉnh Bắc Kạn (CSSP)	Huyện Na Rì, Ba Bể, Pác Nặm và Ngân Sơn	IFAD	24/03/2017	31/3/2024	1438, 07/9/2016; 762, 02/6/2017	840.129	364.129	40.000	21.250.000 USD	476.000	401.184	74.816	35.194	301.254	55.313
IV	Lĩnh vực y tế						155.149	32.820	0		122.329	85.630	36.699	0	85.630	34.078
1	Dự án "Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở"- Dự án thành phần tỉnh Bắc Kạn.	Toàn tỉnh Bắc Kạn	Ngân hàng Thế giới (WB)	18/02/2020	21/12/2024	Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 và Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn	155.149	32.820		5.330.000 USD	122.329	85.630	36.699		85.630	34.078
B	<b>DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH TRUNG HẠN</b>						<b>2.509.323</b>	<b>319.201</b>	<b>163.835</b>		<b>2.190.123</b>	<b>1.670.308</b>	<b>519.815</b>	<b>163.835</b>	<b>1.670.308</b>	<b>519.815</b>
I	Ngành/lĩnh vực giao thông						217.710	0	0		217.710	217.710	0	0	217.710	0
3	Dự án Đường cứu hộ, cứu nạn vùng sạt lở, lũ quét huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn	Huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn	Chính phủ Trung Quốc				217.710			9.370.000 USD	217.710	217.710			217.710	
II	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						1.580.044	221.741	139.969		1.358.304	1.013.122	345.182	139.969	1.013.122	345.182
1	Dự án "Kè chống sạt lở ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ dân sinh và phục vụ sản xuất nông nghiệp" - Tiểu dự án tỉnh Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Cơ quan Phát triển Pháp (AFD)				690.710	155.934	87.323	22.280.000 USD	534.776	374.343	160.433	87.323	374.343	160.433
2	Dự án Hồ chứa nước Khuổi Hủ, xã Văn Học, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	Huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	Chính phủ Trung Quốc				200.000			8.730.000 USD	200.000	200.000			200.000	
3	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc	Toàn tỉnh Bắc Kạn	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật bản JC				666.800	61.400	49.120	26.579.444 USD	605.400	423.780	181.620	49.120	423.780	181.620



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm							Dự kiến kế hoạch 2021-2025			
						Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMBT			Vốn nước ngoài					Vốn đối ứng nguồn NSTW
								Trong đó:			Quy đổi ra tiền Việt					
								Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng ngoại tệ	Tổng số	Trong đó: Cấp phát từ NSTW	Vay lại			
4	Dự án Phục hồi và quản lý rừng bền vững tại miền Trung và miền Bắc Việt Nam (Dự án KfW 9, giai đoạn 2 ở miền Bắc Việt Nam- gọi tắt là Dự án KfW 9.2)	Huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn					22.534	4.407	3.526	784300 EUR	18.128	14.999	3.129	3.526	14.999	3.129
III	Ngành/tỉnh vực y tế					261.942	29.833	23.866	10.029.000 USD	232.109	162.476	69.633	23.866	162.476	69.633	
1	Dự án Hoàn thiện cơ sở vật chất các Trung tâm Y tế tuyến huyện tỉnh Bắc Kạn	Toàn tỉnh Bắc Kạn	Chính phủ Hàn Quốc thông qua Quỹ EDCF			261.942	29.833	23.866	10.029.000 USD	232.109	162.476	69.633	23.866	162.476	69.633	
IV	Ngành/tỉnh vực công nghiệp					449.627	67.627	0		382.000	277.000	105.000	0	277.000	105.000	
8	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025	Toàn tỉnh Bắc Kạn				Quyết định số 3131/QĐ-BCT ngày 27/6/2016 của Bộ Công Thương	412.000	62.000		15218000 USD	350.000	245.000	105.000		245.000	105.000
9	Dự án cấp điện nông thôn từ nguồn năng lượng tái tạo tỉnh Bắc Kạn	Toàn tỉnh Bắc Kạn					37.627	5.627		1241754 EUR	32.000	32.000			32.000	

**Biểu số 06**  
**DANH MỤC DỰ ÁN CÂN BÓ TRÍ VỐN ĐỀ THU HỒI CÁC KHOẢN VỐN ỨNG TRƯỚC**  
*(Kèm theo Báo cáo số 646 /BC-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh)*

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định cho phép ứng trước	Tổng số vốn ứng trước	Số vốn NSTW đến hết kế hoạch năm 2015 chưa bố trí để thu hồi các khoản vốn ứng trước	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 được thông báo	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 được giao (số thực tế được giao)	Số vốn NSTW bố trí thiếu so với kế hoạch đầu tư trung hạn để thu hồi các khoản vốn ứng trước	Số vốn NSTW cân bố trí trong giai đoạn 2021-2025 để thu hồi các khoản vốn ứng trước theo thực tế giải ngân	Ghi chú
<b>TỔNG SỐ</b>			<b>489.662</b>	<b>429.581</b>	<b>259.843</b>	<b>194.877</b>	<b>64.966</b>	<b>234.704</b>	
<b>I</b>	<b>CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2016-2020 NHƯNG CHƯA HOÀN TRẢ HẾT</b>		<b>390.662</b>	<b>349.554</b>	<b>259.843</b>	<b>194.877</b>	<b>64.966</b>	<b>154.677</b>	
1	Dự án Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 3 đoạn 10Km qua Thị xã Bắc Kạn	3116/QĐ-TTg ngày 15/5/2009	11.000	1.408	1.408	1.408			
2	Đầu tư chương trình 61 huyện nghèo	20/TB-VPCP ngày 17/01/2006 và 6477/BTC-NSNN ngày 6/5/2009	50.000	35.513	35.513	35.513			
3	Bổ sung vốn cho các xã khu vực II của các huyện Nghèo thuộc Nghị Quyết 30A/2008/NQ-CP	939/QĐ-TTG ngày 1/7/2009	900	625	625	625			
4	Dự án Vườn QG Ba Bể	939/QĐ-TTG ngày 1/7/2009	10.000	4.616	4.616	4.616			
5	Dự án đầu tư xây dựng vùng nguy cơ sạt lở cao, thị trấn Chợ Rã huyện Ba bể	939/QĐ-TTG ngày 01/7/2009	15.000	10.400	10.400	10.400			
6	KCN Thanh Bình	4295/VPCP-KTTH ngày 22/6/2010 và 9079/BTC-ĐT ngày 12/7/2010	46.000	44.000	44.000	29.034	14.966	14.966	
7	Ứng trước vốn đối ứng các dự án ODA hoàn thành năm 2010	1897/QĐ-TTg ngày 15/10/2010; 15081/BTC ngày 08/11/2010	15.000	15.000	15.000	15.000			
8	Ứng trước các dự án ODA năm 2012	1219/QĐ-TTg ngày 6/9/2012	95.110	95.110	30.229	30.229		64.881	

TT	Danh mục dự án	Quyết định cho phép ứng trước	Tổng số vốn ứng trước	Số vốn NSTW đến hết kế hoạch năm 2015 chưa bố trí để thu hồi các khoản vốn ứng trước	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 được thông báo	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 được giao (số thực tế được giao)	Số vốn NSTW bố trí thiếu so với kế hoạch đầu tư trung hạn để thu hồi các khoản vốn ứng trước	Số vốn NSTW cần bố trí trong giai đoạn 2021-2025 để thu hồi các khoản vốn ứng trước theo thực tế giải ngân	Ghi chú
9	Đường từ ngã ba Tinh úy đến đường Nguyễn Văn Tố và HTKT- nhà công vụ Tinh úy	2064/TTg-KTTH ngày 6/12/2012	50.000	50.000	50.000	0	50.000	50.000	
10	DA cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT 258B	2064/TTg-KTTH ngày 6/12/2012	50.000	50.000	25.170	25.170		24.830	
11	Bệnh viện đa khoa và Trung tâm đào tạo y tế tỉnh Bắc Kạn	1439/QĐ-TTg ngày 16/8/2013 12617/BTC-ĐT ngày 20/9/2013	12.652	12.652	12.652	12.652			
12	DA phát triển du lịch bền vững tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng gđ1	1439/QĐ-TTg ngày 16/8/2013 12617/BTC-ĐT ngày 20/9/2013	1.000	1.000	1.000	1.000			
13	Quan hệ đối tác vì người nghèo trong phát triển nông lâm nghiệp tỉnh Bắc Kạn (3PAD)	1439/QĐ-TTg ngày 16/8/2013 12617/BTC-ĐT ngày 20/9/2013	6.000	6.000	6.000	6.000			
14	Mở rộng nâng cấp Đường tỉnh lộ 254 (Xây dựng Cầu Bán Đĩnh Km 5+526,76 và Cầu Nà Đầy Km 11+385,05)	1861/QĐ-TTg ngày 10/10/2014 7395/BKHĐT-TH ngày 17/10/2014 15664/BTC-ĐT ngày 29/10/2014	3.000	3.000	3.000	3.000			
15	Kè chắn sạt lở đất khu dân cư thôn Hát Deng, trường PTDT nội trú và trường TH thị trấn Yên Lạc	1861/QĐ-TTg ngày 10/10/2014 7395/BKHĐT-TH ngày 17/10/2014 15664/BTC-ĐT ngày 29/10/2014	5.000	5.000	5.000	5.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định cho phép ứng trước	Tổng số vốn ứng trước	Số vốn NSTW đến hết kế hoạch năm 2015 chưa bố trí để thu hồi các khoản vốn ứng trước	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 được thông báo	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 được giao (số thực tế được giao)	Số vốn NSTW bố trí thiếu so với kế hoạch đầu tư trung hạn để thu hồi các khoản vốn ứng trước	Số vốn NSTW cần bố trí trong giai đoạn 2021-2025 để thu hồi các khoản vốn ứng trước theo thực tế giải ngân	Ghi chú
16	Xây dựng khu TĐC để GPMB QL279 địa phận thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể	1861/QĐ-TTg ngày 10/10/2014 7395/BKHĐT-TH ngày 17/10/2014 15664/BTC-ĐT ngày 29/10/2014	5.000	5.000	5.000	5.000			
17	Đường cứu hộ cứu nạn vùng sạt lở, lũ quét, huyện Pác Nặm (đoạn tuyến Km 0+00 - Km 5+00)	1861/QĐ-TTg ngày 10/10/2014 7395/BKHĐT-TH ngày 17/10/2014 15664/BTC-ĐT ngày 29/10/2014	10.000	10.000	10.000	10.000			
18	Kè chống sạt lở bờ tả sông Năng đoạn qua tiểu thu 8 và 9 thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể	1861/QĐ-TTg ngày 10/10/2014 7395/BKHĐT-TH ngày 17/10/2014 15664/BTC-ĐT ngày 29/10/2014	5.000	230	230	230			

Biểu số 07

**DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐÃ LẬP HOẶC PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ**  
(Kèm theo Báo cáo số 646/BC-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư			Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020			Vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
		Tổng số (các nguồn)	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
		3.370.736	2.945.100	428.636	53.874	49.000	4.874	3.306.862	2.896.100	410.762	
<b>A</b>	<b>DỰ ÁN THUỘC THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CỦA HĐND TỈNH</b>	<b>3.361.736</b>	<b>2.945.100</b>	<b>416.636</b>	<b>53.874</b>	<b>49.000</b>	<b>4.874</b>	<b>3.306.862</b>	<b>2.896.100</b>	<b>410.762</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư</b>	<b>2.337.809</b>	<b>2.100.000</b>	<b>237.809</b>	<b>53.874</b>	<b>49.000</b>	<b>4.874</b>	<b>2.283.935</b>	<b>2.051.000</b>	<b>232.935</b>	
1	Xây dựng tuyến đường Thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể	2.337.809	2.100.000	237.809	53.874	49.000	4.874	2.283.935	2.051.000	232.935	Dự kiến được bố trí từ nguồn vốn hỗ trợ của TW (ngoài số phân bổ cho tỉnh theo nguyên tắc, tiêu chí): 1.000 tỷ
<b>II</b>	<b>Dự án đã lập báo cáo chủ trương đầu tư, trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp 17 (kỳ họp chuyên đề)</b>	<b>1.023.927</b>	<b>845.100</b>	<b>178.827</b>	<b>1.000</b>	<b>-</b>	<b>1.000</b>	<b>1.022.927</b>	<b>845.100</b>	<b>177.827</b>	
1	Xây dựng hạ tầng giao thông khu vực xung quanh hồ Ba Bể	145.000	125.000	20.000	-	-	-	145.000	125.000	20.000	
2	Xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bể	439.000	395.100	43.900	-	-	-	439.000	395.100	43.900	
3	Dự án đường lâm nghiệp tỉnh Bắc Kạn 2021-2025	200.000	200.000	-	-	-	-	200.000	200.000	-	
4	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng vùng trồng cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm trên địa bàn tỉnh	49.500	-	49.500	-	-	-	49.500	-	49.500	
5	Xây dựng cải tạo tuyến đường vào các xã CT229 huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn	125.000	125.000	-	-	-	-	125.000	125.000	-	
6	Xây dựng cải tạo các công trình chiến đấu phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2021	28.427	-	28.427	-	-	-	28.427	-	28.427	
7	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường trung cấp Y tế Bắc Kạn thành cơ sở điều trị	37.000	-	37.000	1.000	-	1.000	36.000	-	36.000	
<b>B</b>	<b>DỰ ÁN THUỘC THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CỦA UBND TỈNH</b>	<b>9.000</b>	<b>-</b>	<b>9.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.000</b>	<b>-</b>	<b>9.000</b>	
1	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trụ sở Thư viện tỉnh thành trụ sở Bảo tàng tỉnh	9.000	-	9.000	-	-	-	9.000	-	9.000	